

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU ĐỐI VỚI XE
Ô TÔ CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP THUỘC TỈNH**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 03 năm 1998 của Chính phủ về quản lý tài sản Nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 23/2004/CT-TTg ngày 18 tháng 06 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp tiết kiệm xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 68/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2006 của UBND tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 90/TTr-STC ngày 02 tháng 5 năm 2007 về việc sửa đổi, bổ sung định mức tiêu hao nhiên liệu tại Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh quy định về định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô công tại các cơ quan hành chính sự nghiệp thuộc tỉnh tại Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Đối với xe ô tô động cơ xăng:

a. Loại xe 04-05 chỗ ngồi:

- Dung tích xi lanh 1.6l: Xăng 11 lít/100km

- Dung tích xi lanh 1.8l: Xăng 13 lít/100km

- Dung tích xi lanh 2.0l: Xăng 14 lít/100km

- Dung tích xi lanh 2.4l: Xăng 16 lít/100km

- Dung tích xi lanh 3.0l: Xăng 17 lít/100km

b. Loại xe 06-09 chỗ ngồi:

- Dung tích xi lanh 1.8l: Xăng 14 lít/100km

- Dung tích xi lanh 2.0l: Xăng 15 lít/100km

- Dung tích xi lanh 2.4l: Xăng 16 lít/100km

- Dung tích xi lanh 3.0l: Xăng 17 lít/100km
- Dung tích xi lanh 3.5l: Xăng 19 lít/100km
- Dung tích xi lanh 4.0l: Xăng 21 lít/100km
- Dung tích xi lanh 4.5l: Xăng 24 lít/100km

c. Loại xe 12-16 chỗ ngồi:

- Dung tích xi lanh 2.0l: Xăng 16 lít/100km
- Dung tích xi lanh 2.4l: Xăng 18 lít/100km
- Dung tích xi lanh 2.6l: Xăng 19 lít/100km

2. Đối với xe ô tô động cơ dầu:

a. Loại xe 06-09 chỗ ngồi:

- Dung tích xi lanh 2.5l: Dầu 12 lít/100km
- Dung tích xi lanh 3.0l: Dầu 13 lít/100km
- Dung tích xi lanh 3.5l: Dầu 15 lít/100km
- Dung tích xi lanh 4.0l: Dầu 17 lít/100km
- Dung tích xi lanh 4.5l: Dầu 19 lít/100km

b. Loại xe 15-16 chỗ ngồi: Dầu 16 lít/100km

c. Loại xe 25 chỗ ngồi: Dầu 19 lít/100km

d. Loại xe 30-35 chỗ ngồi: Dầu 23 lít/100km

Điều 2.

a. Đối với xe ô tô có chỉ số km trên đồng hồ báo đã vận hành trên 100.000 km, thì định mức tiêu hao nhiên liệu xăng hoặc dầu được tính thêm cứ mỗi 50.000km sử dụng (101.000km đến 150.000 km, 151.000km đến 200.000km,...) được cộng thêm 1lít (một) nhiên liệu cho 100km.

b. Đối với các loại ô tô chuyên dùng thì Thủ trưởng cơ quan đơn vị căn cứ vào định mức trên, để quy định cho phù hợp.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, cùng Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể), Giám đốc các Công ty nhà nước thuộc tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô công tại các cơ quan hành chính sự nghiệp thuộc tỉnh./.

CHỦ TỊCH

Bùi Ngọc Sương